TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG TÂY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 295/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 18-9-2017
V/v: "*Tranh chấp xin ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY – TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Khoa.
2. Bà Ngô Thị Thu Thủy.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hồng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 224/2017/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2017,về việc: "Tranh chấp xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 61/207/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Nguyễn Hoàng Duy T, sinh năm 1989 (Có mặt).

Trú tại: Đường V, Khu phố A, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T – Văn phòng Luật sư T – Đoàn Luật sư tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Đỗ Thị Cẩm T, sinh năm 1987 (Có mặt).

Hộ khẩu thường trú: Đường V, Khu phố A, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Chổ ở hiện nay: ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn xin ly hôn và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Hoàng Duy T trình bày:***

Vào năm 2012, anh T với chị Đỗ Thị Cẩm T tổ chức lễ cưới, sống chung và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn về tiền bạc trong gia đình, bất đồng quan

điểm sống. Tháng 3/2017, anh T ly thân chị T cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn; anh T yêu cầu ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh T với chị T có 01 con chung tên là Nguyễn Đỗ Bảo N, sinh ngày 06/5/2013; cháu N đang sống chung với anh T. Anh T yêu cầu được tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng cháu N; vì anh T hiện nay sống chung với gia đình có cơ sở sản xuất kinh doanh, thu nhập ổn định, có đủ đều kiện về kinh tế để nuôi con tốt hơn chị T; anh T không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, anh T không yêu cầu gì khác.

**** Tại phiên toà, bị đơn chị Đỗ Thị Cẩm T trình bày:***

Vào năm 2012, chị T và anh T tổ chức lễ cưới, sống chung và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang. Đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn về tiền bạc trong gia đình, bất đồng quan điểm sống. Tháng 4/2017 chị T ly thân anh T cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn; chị T đồng ý ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị T với anh T có 01 con chung tên là Nguyễn Đỗ Bảo N, sinh ngày 06/5/2013. Từ khi ly thân với anh T chị T về nhà cha mẹ ruột chị ở, để cháu N ở chung với anh T; tuy nhiên chị T có thường xuyên đi lại thăm nom, chăm sóc cháu N, nhưng anh T có cản trở chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu N. Chị T yêu cầu được tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, vì chị T có điều kiện kinh tế để nuôi con; cháu N là con gái, còn rất nhỏ; để cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng tốt hơn anh T. Chị T yêu cầu anh T giao cháu N lại cho chị T ngay khi án có hiệu lực pháp luật; chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, chị T không yêu cầu gì khác.

*** Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Nguyễn Hoàng Duy T phát biểu và đề nghị:**

Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh T với chị T.

Về con chung: Giao cháu N cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: không xem xét.

*** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:**

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật

- Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử xét:

+ Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh T với chị T.

+ Về con chung: Giao cháu N cho chị T tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng;

Chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, nên không xem xét.

+ Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo các tình tiết của vụ án và yêu cầu của đương sự Hội đồng xét xử xác định quan hệ giữa các bên là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, cần được xem xét và giải quyết theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Xét về hôn nhân: Vào năm 2012, anh T với chị T tự nguyện sống chung và có đăng ký kết hôn. Đến năm 2017, phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống; anh T với chị T đã ly thân từ tháng 3/2017 cho đến nay. Xét thấy tình cảm giữa anh T với chị T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên anh T yêu cầu ly hôn với chị T là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; chị T cũng đồng ý ly hôn với anh T. Do đó, Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh T với chị T.

[3] Xét về con chung: Anh T với chị T có 01 con chung tên Nguyễn Đỗ Bảo N, sinh ngày 06/5/2013. Anh T yêu cầu được tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, vì anh T cho rằng anh T có kiều kiện kinh tế nuôi con tốt hơn chị T. Chị T cũng yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, vì chị T cho rằng cháu N là con gái giao cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sẽ tốt hơn giao cho anh T; đồng thời chị T cũng có đủ điều kiện về kinh tế để nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy: Anh T với chị T thống nhất thuận tình ly hôn, nên cần giao cháu N cho anh T hoặc chị T nuôi dưỡng. Việc nuôi dưỡng cháu N là nghĩa vụ của anh T và chị T. Cháu N sống chung trực tiếp với anh T và chị T từ khi được sinh ra cho đến tháng 03/2017 thì anh T với chị T ly thân, chị T về nhà cha mẹ ruột ở; đồng thời, chị T có thường xuyên đi lại thăm nom, chăm sóc cháu N, nhưng anh T ngăn cản, không cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu N. Xét thấy cháu N hiện nay còn rất nhỏ, lại là con gái, nên rất cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng trực tiếp của người mẹ; chị T có nơi cư trú ổn định và cũng có điều kiện kinh tế để tiếp tục nuôi con. Do đó giao cháu N cho chị T tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Buộc anh T giao cháu N lại cho chị T ngay khi án có hiệu lực pháp luật; anh T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

[7] Về án phí: Anh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[8] Xét ý kiến, đề nghị của Luật sư là có cơ sở một phần, nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần đề nghị của Luật sư.

[9] Xét ý kiến, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.
- Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Luật thi hành án dân sự.

***Xử*:**

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Hoàng Duy T với chị Đỗ Thị Cẩm T.

2. Về con chung: Chị Đỗ Thị Cẩm T được tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đỗ Bảo N, sinh ngày 06/5/2013.

Buộc anh Nguyễn Hoàng Duy T giao cháu Nguyễn Đỗ Bảo N, sinh ngày 06/5/2013 cho chị Đỗ Thị Cẩm T ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí:

+ Anh T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà anh T đã nộp theo biên lai thu số 38762 ngày 31/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây, nên anh T đã nộp xong án phí.

+ Chị T không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Anh T, chị T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

LÊ TRUNG HIẾU

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Tây;
- UBND thị trấn V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.